

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 203/2020/HS- ST
Ngày: 15 tháng 12 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Nhất.

Bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Đức Hùng– Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 192/2020/TLST-HS, ngày 06 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/HSST-QĐ , ngày 26 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1974; tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: số nhà 10, ngõ 47, khu Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Kinh doanh; Văn hóa: 8/12; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1932; gia đình có 7 anh em, bị cáo là con thứ 7. Vợ: Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1976. Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 24/12/2019 đến ngày 02/01/2020 thì bị cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Lương Thùy L, sinh năm 1971; trú tại: Ki ốt B1-B2, chợ T, phường N, thành phố B(Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh Phạm Văn P, sinh năm 1976; trú tại: số 17, đường Y 1, tổ 7, phường N, thành phố B(Vắng mặt tại phiên toà).

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt tại phiên toà).

4. Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1979; trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt tại phiên toà).

5. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1985; trú tại: thôn C, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt tại phiên toà).

6. Anh Trương Văn M, sinh năm 1970; trú tại: thôn N, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt tại phiên toà).

7. Anh Thân Văn T, sinh năm 1985; trú tại: số 42, đường N, phường, thành phố B(Vắng mặt tại phiên toà).

8. Anh Bùi Văn C, sinh năm 1983; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt tại phiên toà).

9. Chị Phan Thị Thanh H, sinh năm 1976; trú tại: Số nhà 10, ngõ 47, Khu Đ, phường L, thành phố B(Vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1974, trú tại: số nhà 10, ngõ 47, khu Đ, phường L, thành phố B là chủ cơ sở kinh doanh cầm đồ (có đăng ký kinh doanh), lợi dụng việc kinh doanh của mình để cho vay lãi nặng nhằm thu lời bất chính. Ngày 03/01/2019, Nguyễn Văn L đang ở nhà thì có chị Lương Thùy L, sinh năm 1971, trú tại: Kí ốt B1-B2, chợ T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đến hỏi vay tiền. L đồng ý cho chị L vay tiền theo hình thức trả lãi tháng, số tiền vay là 50.000.000 đồng, lãi suất là 5.000.000 đồng/1 tháng (tương ứng với mức lãi suất 10%/ 1 tháng và 120%/1 năm, gấp 6 lần lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định), chị L phải trả lãi vào ngày mùng 3 hàng tháng. Việc vay tiền không có tài sản thế chấp, chị L tự viết và ký xác nhận vào giấy vay tiền giao cho L giữ. Từ ngày 03/01/2019 đến ngày 03/8/2019, chị L đã trả đủ cho L tiền lãi hàng tháng, tổng cộng 7 tháng là 35.000.000 đồng. Đến tháng 09/2019 chị L trả cho L 2.000.000 tiền lãi, tháng 10/2019 thì chị L không thanh toán tiền lãi cho L. Ngày 3/11/2019, chị L tiếp tục trả tiền lãi cho L số tiền 2.000.000 đồng và đến ngày 08/12/2019 chị L trả lãi cho L số tiền là 4.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi chị L đã trả cho L đến ngày 08/12/2019 là 43.800.000 đồng, còn tiền gốc chị L chưa trả được đồng nào. Số tiền L thu lợi bất chính đối với khoản vay trên là 34.633.333 đồng.

Khoảng 20 giờ ngày 22/12/2019, do thấy chị L không trả đủ lãi theo thỏa thuận nên L đã đến cửa hàng của chị L để đòi tiền. Tại đây, L đòi nợ và lấy tại cửa

hàng của chị L một tờ hóa đơn thanh toán để ghi chót số tiền chị L còn nợ lãi là 11.200.000 đồng. Nhưng chị L không có tiền trả, L và chị L có lời qua tiếng lại với nhau, sau đó L đi về. Sau khi L về khoảng 20 phút thì có 02 nam thanh niên bật mặt, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, không xác định được biển kiểm soát đến quán của chị L. Một nam thanh niên đi vào trong quán dùng 01 vật cứng đánh trúng vào đầu chị L 02 phát làm chị L bị thương và được đưa đến bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang cấp cứu.

Ngày 23/12/2019, chị L đã có đơn trình báo đến Công an thành phố và giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 tờ hóa đơn có chữ và số liệt kê các khoản lãi do L viết (ký hiệu giám định A1). Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn L phát hiện thu giữ những đồ vật tài liệu như sau:

- 01 quyển sổ gồm 15 tờ A4, có bìa màu hồng, các tờ còn lại là giấy vay tiền (trên bìa có chữ M1).

- 01 quyển sổ gồm 10 tờ A4 nội dung là các giấy vay tiền (trên bìa có chữ M2).

- 01 quyển sổ gồm 52 tờ A4, có bìa màu hồng, các tờ còn lại là giấy vay tiền (trên bìa có chữ M3).

- 01 quyển sổ gồm 12 tờ A4, có bìa màu hồng, các tờ còn lại là giấy vay tiền (trên bìa có chữ có chữ M4).

- 01 quyển sổ gồm 5 tờ A4, có bìa màu hồng, các tờ còn lại là giấy vay tiền (trên bìa có chữ M5).

- 01 quyển sổ gồm 100 tờ A4, có bìa màu xanh, các tờ còn lại là giấy vay tiền (trên bìa có chữ M6).

- 01 quyển sổ ghi chép, có bìa cứng, tờ còn lại có dòng kẻ, gồm 34 trang (trên bìa có chữ M7).

- 01 quyển sổ ghi chép, có bìa cứng, tờ còn lại có dòng kẻ, gồm 38 trang (trên bìa có chữ M8).

- 01 sổ hợp đồng cầm đồ bìa màu xanh gồm 32 tờ.

- 01 giấy nhận tiền đề ngày 27/6/2019, 01 giấy nhận tiền đề ngày 15/6/2019, 01 giấy nhận tiền đề ngày 16/6/2019 - tại mục người nhận đều có chữ ký của Nguyễn Thị H, 01 giấy báo của ngân hàng Nông Nghiệp, mặt sau có chữ ký và chữ viết của chị Nguyễn Thị H.

- 01 giấy chứng nhận kinh doanh số 20A8009512 do UBND TP Bắc Giang cấp ngày 17/4/2012; 01 giấy chứng nhận kinh doanh số 20A8009512 do UBND TP Bắc Giang cấp ngày 17/4/2012 – ngành nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ.

- Số tiền 67.700.000 đồng.

Ngày 26/12/2019, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ viết, chữ số, chữ ký trên các tài liệu đã thu giữ gồm 01 tờ giấy liệt kê các khoản lãi mà chị L chưa trả Lai do chị L giao nộp cho Cơ quan điều tra (“Hóa đơn thanh toán”-ký hiệu A1), 01 quyển sổ bìa màu hồng được đánh số từ 01 đến 52 trong đó có 04 tờ tài liệu cần giám định đề ngày 03/1/2019, 22/4/2019 thu giữ khi khám xét chỗ ở của Lai (ký hiệu A2, A3, A4, A5). Tại Kết luận giám định số 02 ngày 02/1/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Không đủ điều kiện giám định chữ viết, chữ ký tại mặt trước tài liệu cần giám định ký hiệu A5 do chữ viết, chữ ký bị chồng chéo, các đặc điểm truy nguyên cá biệt không ổn định.

2. Chữ viết mực màu xanh trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1; chữ viết tại mặt sau trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A3, A5 so với chữ viết của Nguyễn Văn L trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M7 do cùng một người viết ra.

3. Chữ viết, chữ ký tại mặt trước trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3 so với chữ viết của Lương Thùy L trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M8 đến M12 do cùng một người viết, ký ra.

4. Chữ viết, chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ viết của Phạm Văn P trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M13 đến M17 do cùng 1 người viết, ký ra.

Ngày 30/4/2020, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ viết, chữ số, chữ ký trên các sổ ghi chép đã thu giữ của Nguyễn Văn L đã thu giữ gồm: 01 (một) Quyển sổ bìa màu hồng có các trang giấy được đánh số từ 01 đến 52, trong đó có chữ ký, chữ viết cần giám định tại các trang giấy số 04, 09, 13, 15, 41 (ký hiệu từ A1 đến A5); 01 (một) Quyển sổ có các trang giấy được đánh số từ 01 đến 10, trong đó có chữ ký, chữ viết cần giám định tại trang giấy số 07 (ký hiệu A6); 01 (một) Quyển sổ bìa màu hồng có các trang giấy được đánh số từ 01 đến 15, trong đó có chữ ký, chữ viết cần giám định tại các trang giấy số 08, 09 (ký hiệu A7, A8); 01 (một) Quyển sổ có các trang giấy được đánh số từ 01 đến 05, trong đó có chữ ký, chữ viết cần giám định tại trang giấy số 04 (ký hiệu A9); 01 (một) Quyển sổ bìa màu xanh có các trang giấy được đánh số từ 01 đến 98, trong đó có chữ ký, chữ viết tại các trang số 06, 18 (ký hiệu A10, A11). Tại bản Kết luận giám định số 768A/KL- KTHS ngày 25/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 - trừ chữ ký, chữ viết "L- Nguyễn Văn L" tại mục "Người cho vay tiền" ở mặt trước và chữ viết có nội dung "Ngày 18-1-2019 trả 5 triệu - tháng 12-2019 trả qua tài khoản 10.000.000

tr" ở mặt sau) so với chữ ký, chữ viết của Đàm Thị Phương T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M8 đến M13) là do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A2, A4, A11 - trừ các chữ viết có nội dung "21...03...19", "16...03...19", "13...10...19" tại mục "Ngày ...tháng...năm...") so với chữ ký, chữ viết của Bùi Văn C trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M14 đến M18) là do cùng một người ký, viết ra.

3. Chữ ký dạng chữ viết "C" và chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3 - trừ chữ viết ở mặt sau) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn C trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M19 đến M24) là do cùng một người ký, viết ra.

4. Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A5) so với chữ ký, chữ viết của Trương Văn M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M38 đến M42) là do cùng một người ký, viết ra.

5. Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A6 - trừ chữ viết có nội dung "Đã trả lãi 20 triệu") so với chữ ký, chữ viết của Ngô Xuân S trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M48) là do cùng một người ký, viết ra.

6. Chữ ký dạng chữ viết "T" và chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A7, A8 - trừ chữ ký, chữ viết "Nguyễn Duy T - T - Nguyễn T", "L - Nguyễn Văn L" ở mặt trước, "T - Nguyễn Duy T" ở mặt sau tài liệu cần giám định ký hiệu A7; chữ viết có nội dung "4 - 3 - 2019 trả 5tr", "25 - 05 - 2019 trả 10 tr" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A8) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M29 đến M33) là do cùng một người ký, viết ra.

7. Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết có nội dung "Nguyễn Duy T", "T - Nguyễn T" ở mặt trước và "T - Nguyễn T" ở mặt sau tài liệu cần giám định (ký hiệu A7) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Duy T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M34 đến M37) là do cùng một người ký, viết ra.

8. Chữ ký, chữ viết mang tên Thân Văn T tại mục "Người vay tiền" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A9) so với chữ ký, chữ viết của Thân Văn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M25 đến M28) là do cùng một người ký,

9. Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A10) so với chữ ký, chữ viết của Thân Văn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M43 đến M47) là do cùng một người ký, viết ra.

10. Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết "L- Nguyễn Văn L" tại mục "Người cho vay tiền" ở mặt trước và chữ viết có nội dung "Ngày 18-1-2019 trả 5 triệu - tháng 12-2019 trả qua tài khoản 10.000.000 tr" ở mặt sau tài liệu cần giám định (ký hiệu A1); chữ viết có nội dung "21...03...19", "16...03...19", "13...10...19" tại mục "Ngày ... tháng...năm..." trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A2, A4, A11); chữ viết ở mặt sau tài liệu cần giám định (ký hiệu A3); chữ viết có nội dung "Đã trả lãi 20 triệu" tại trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A6); chữ ký dạng chữ viết, chữ viết "L-

Nguyễn Văn L" tại mục "Người cho vay tiền" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A7); chữ viết có nội dung "4 - 3 - 2019 trả 5tr - 25-05- 2019 trả 10 tr" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A8); chữ viết ở trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A9 - trừ chữ ký, chữ viết mang tên Văn L trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M7) là do cùng một người ký, viết ra.

Quá trình điều tra, ngoài hành vi cho vay lãi nặng đối với chị L, Nguyễn Văn L còn khai nhận đã có hành vi cho vay lãi nặng đối với 6 người khác, cụ thể như sau:

1. Anh Phạm Văn P, sinh năm 1976, trú tại số nhà 17, đường Y, tổ 7, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Ngày 22/4/2019, L có cho anh P vay số tiền là 40.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 4.500.000 đồng/1 tháng (tương ứng với mức lãi suất là 135%/ 1 năm, gấp 6,75 lần lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định), kỳ hạn trả lãi theo tháng, khi vay anh P có tự viết và ký vào giấy vay tiền đưa cho L giữ. Anh P đã trả cho L 6 tháng tiền lãi (tính đến tháng 10/2019) là 27.000.000 đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 23.000.000 đồng. Đến nay anh P không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981, trú tại: thôn P, xã Đ, huyện Y , tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 27/01/2019, L có cho chị T vay số tiền là 68.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 10.200.000 đồng/1 tháng (tương ứng với mức lãi suất là 180%/ 1 năm, gấp 9 lần lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định), kỳ hạn trả lãi theo tháng, khi vay chị T có tự viết và cùng chồng là anh Nguyễn Duy T ký vào giấy vay tiền đưa cho L giữ. Đến ngày 25/5/2019 chị T đã trả cho L được 15.000.000 đồng tiền lãi, số tiền L thu lợi bất chính là 10.466.667 đồng. Đến nay chị T, anh T không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

3. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1985, nơi cư trú: thôn C, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Ngày 24/9/2019, L có cho anh C vay số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 2.400.000 đồng/1 tháng (tương ứng với mức lãi suất là 144%/ 1 năm, gấp 7,2 lần lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định), kỳ hạn trả lãi theo tháng, khi vay anh C có tự viết và ký vào giấy vay tiền đưa cho L giữ. Anh C đã trả đủ lãi cho L 6 tháng đến tháng 8/2019 được 14.400.000 đồng tiền lãi và 10.000.000 đồng tiền gốc. Tháng 9 và tháng 10 năm 2019 anh C tiếp tục trả lãi số tiền nợ gốc còn lại là 10.000.000 đồng với lãi suất 1.200.000 đồng/1 tháng (tương ứng với mức lãi suất là 144%/ 1 năm, gấp 7,2 lần lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định) được số tiền là 2.400.000 đồng và trả hết số tiền nợ gốc. Tổng số tiền lãi L thu được là 16.800.000 đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 14.466.667 đồng. Đến nay anh C không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

4. Anh Trương Văn M, sinh năm 1970, nơi cư trú: thôn N, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 6/9/2019, L có cho anh M vay số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 2.400.000 đồng/ 1 tháng (tương ứng với mức lãi suất là 144%/ 1 năm, gấp 7,2 lần lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định), kỳ hạn trả lãi theo tháng, khi vay anh M có tự viết và ký vào giấy vay tiền đưa cho L giữ. Anh M đã trả đủ lãi cho L 3 tháng đến tháng 12 năm 2019 trả được 7.200.000 đồng tiền lãi, số tiền L thu lợi bất chính là 6.200.000 đồng. Đến nay anh M không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

5. Anh Thân Văn T, sinh năm 1985, nơi cư trú: Số nhà 40, đường N , phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 24/9/2019, L có cho anh T vay số tiền là 40.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 4.000.000 đồng/ 1 tháng (tương ứng với mức lãi suất là 120%/ 1 năm, gấp 6 lần lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định), kỳ hạn trả lãi theo tháng, khi vay anh T có tự viết và ký vào giấy vay tiền đưa cho L giữ. Anh T đã trả đủ lãi cho L 3 tháng đến tháng 12 năm 2019 trả được 12.000.000 đồng tiền lãi, số tiền L thu lợi bất chính là 10.000.000 đồng. Đến nay anh T không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

6. Anh Bùi Văn C, sinh năm 1983, trú tại: Thôn T, xã T, huyện L , tỉnh Bắc Giang.

- Ngày 21/2/2019, L có cho anh C vay số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 900.000 đồng/1 tháng (tương ứng với mức lãi suất là 108%/ 1 năm, gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định), kỳ hạn trả lãi theo tháng, khi vay anh C có tự viết và ký vào giấy vay tiền đưa cho L giữ. Anh C đã trả đủ lãi cho L 10 tháng đến tháng 12 năm 2019 trả được 9.000.000 đồng tiền lãi, số tiền L thu lợi bất chính là 7.333.333 đồng.

- Ngày 16/3/2019, L có cho anh C vay số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 900.000 đồng/1 tháng (tương ứng với mức lãi suất là 108%/ 1 năm, gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định), kỳ hạn trả lãi theo tháng, khi vay anh C có tự viết và ký vào giấy vay tiền đưa cho L giữ. Anh C đã trả đủ lãi cho L 9 tháng đến tháng 12 năm 2019 trả được 8.100.000 đồng tiền lãi, số tiền L thu lợi bất chính là 6.600.000 đồng.

- Ngày 13/10/2019, L có cho anh C vay số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 900.000 đồng/1 tháng (tương ứng với mức lãi suất là 108%/ 1 năm, gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định), kỳ hạn trả lãi theo tháng, khi vay anh C có tự viết và ký vào giấy vay tiền đưa cho L giữ. Anh Cg đã trả đủ lãi cho L 2 tháng đến tháng 12 năm 2019 trả được 1.800.000 đồng tiền lãi, số tiền L thu lợi bất chính là 1.466.667 đồng.

Tổng cộng từ ngày 21/2/2019 đến ngày 23/12/2019, L cho anh C vay 30.000.000 đồng. Số tiền lãi thu được là 18.900.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 15.400.000 đồng. Anh C đã trả hết số tiền gốc cho L, đến nay không có yêu cầu về Dân sự.

Quá trình điều tra đã xác định ngoài các hành vi cho vay lãi nặng nêu trên, Nguyễn Văn L khai nhận còn cho nhiều người khác vay tiền với lãi suất không vượt quá năm lần lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự quy định, cụ thể như sau: anh Cao Thanh S, sinh năm 1970, nơi cư trú: khu phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; chị Nguyễn Thị T, sinh năm nơi cư trú: thôn X, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1975, nơi cư trú: xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang; chị Đinh Thị H, sinh năm 1978, trú tại thôn B, xã D, thành phố B; anh Ngô Xuân S, sinh năm 1963, nơi cư trú: đường V, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang; chị Đàm Thị Phương Thúy, sinh năm 1990, nơi cư trú: đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; anh Nguyễn Đức Tiến, sinh năm 1974, nơi cư trú: Xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; chị Chu Bạch Yến, sinh năm 1979, nơi cư trú: thôn Đo Xá, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; anh Thân Quang Thanh, sinh năm 1974, nơi cư trú: Số nhà 21, ngõ 14, đường Đồng Cửa, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang; anh Nguyễn Văn Cử, sinh năm 1984, nơi cư trú: thôn Cầu Chính, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; chị Nguyễn Phương Thảo, sinh năm 1985, nơi cư trú: chung cư Quang Minh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang; anh Đặng Thế Anh, sinh năm 1975, nơi cư trú: phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; chị Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1964, nơi cư trú: thôn Tân Văn 1, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; chị Hà Thị Huyền, sinh năm 1959, nơi cư trú: đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; anh Hoàng Văn Thường, sinh năm 1982, nơi cư trú: thôn Cả, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; anh Đinh Văn Khánh, sinh năm 1982, nơi cư trú: xã Tân Hiệp, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; anh Hà Huy Bình, sinh năm 1975, nơi cư trú: xã Phi Mô, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; Hoàng Việt Hùng, sinh năm 1979, nơi cư trú: Số nhà 131C, đường Hùng Vương, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang; chị Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1961, nơi cư trú: phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; anh Trần Xuân Trung, sinh năm 1983, nơi cư trú: thôn Tân Văn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; anh Thân Văn Thêm, sinh năm 1975, nơi cư trú: thôn Tân Văn 1, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; anh Tạ Văn Chiến, sinh năm 1977, nơi cư trú: đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; anh Cao Việt Đức, sinh năm 1986, nơi cư trú: thôn Văn Sơn, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang; chị Nguyễn Thị Thanh Hải, sinh năm 1964, nơi cư trú: số 707,

tòa nhà chung cư CC4, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; Nguyễn Văn Thạch, sinh năm 1984, nơi cư trú: tổ Phú Mỹ 1, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, anh Dương Văn Hiền, sinh năm 1984, số 01 đường Nguyễn Cao, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với những người nêu trên xác định việc Lai cho những người này vay tiền với lãi suất cho vay không vượt quá 5 lần so với mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự.

Đối với những người vay tiền gồm: Anh Trần Trung K, sinh năm 1977, nơi cư trú tổ dân phố 7A, phường T, thành phố B; anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1991, nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang có tên trong sổ vay tiền. Qua xác minh tại địa phương thì những người trên không còn cư trú tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa triệu tập làm việc được.

Đối với người vay tiền có tên trong sổ vay tiền gồm anh Trần Văn T, trú tại xã M, huyện P, tỉnh Sơn La, anh Nguyễn Đình P, trú tại tổ dân phố số 1, phường T, thành phố B và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978, nơi cư trú: phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa phương nhưng không xác định được người nào có thông tin, địa chỉ nêu trên. Do L không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của những người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý.

Đối với hành vi ngày 22/12/2019 chị Lương Thùy L bị hai đối tượng không xác định được danh tính gây thương tích. Quá trình điều tra Nguyễn Văn L không thừa nhận có liên quan đến vụ việc trên. Ngày 01/10/2020, chị Nguyễn Thị L rút đơn trình báo và từ chối giám định thương tích nên không có căn cứ để xử lý.

Vật chứng của vụ án đã được nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 195/CT-VKS ngày 06/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn L từ 08 tháng đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng. Giao bị cáo cho UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo L.

3. Về các biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo L nộp lại tổng số tiền 294.532.500 đồng (trong đó: Số tiền gốc cho vay là 268.000.000 đồng và tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 26.532.500 đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với khoản thu lợi bất chính là 114.166.500 đồng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa yêu cầu gì về dân sự nên cần tách ra và dành quyền khởi kiện để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

- Đối với số tiền gốc một số người vay đến nay chưa trả hết cho L. Do bị cáo L và những người vay không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về vật chứng và tài sản bị tạm giữ: Đối với 01 tờ hóa đơn có chữ và số liệt kê các khoản lãi do L viết; 01 quyển sổ gồm 15 tờ A4, có bìa màu hồng, các tờ còn lại là giấy vay tiền (trên bìa có chữ M1); 01 quyển sổ gồm 10 tờ A4 nội dung là các giấy vay tiền (trên bìa có chữ M2). 01 quyển sổ gồm 52 tờ A4, có bìa màu hồng, các tờ còn lại là giấy vay tiền (trên bìa có chữ M3). 01 quyển sổ gồm 12 tờ A4, có bìa màu hồng, các tờ còn lại là giấy vay tiền (trên bìa có chữ có chữ M4). 01 quyển sổ gồm 5 tờ A4, có bìa màu hồng, các tờ còn lại là giấy vay tiền (trên bìa có chữ M5); 01 quyển sổ gồm 100 tờ A4, có bìa màu xanh, các tờ còn lại là giấy vay tiền (trên bìa có chữ M6); 01 quyển sổ ghi chép, có bìa cứng, tờ còn lại có dòng kẻ, gồm 34 trang (trên bìa có chữ M7); 01 quyển sổ ghi chép, có bìa cứng, tờ còn lại có dòng kẻ, gồm 38 trang (trên bìa có chữ M8); 01 sổ hợp đồng cầm đồ bìa màu xanh gồm 32 tờ; 01 giấy nhận tiền đề ngày 27/6/2019, 01 giấy nhận tiền đề ngày 15/6/2019, 01 giấy nhận tiền đề ngày 16/6/2019 - tại mục người nhận đều có chữ ký của Nguyễn Thị H, 01 giấy báo của ngân hàng Nông Nghiệp, mặt sau có chữ ký và chữ viết của chị Nguyễn Thị H đang được lưu trong hồ sơ vụ án nay cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

- Trả lại bị cáo L: 01 giấy chứng nhận kinh doanh số 20A8009512 do UBND TP Bắc ngày 17/4/2012; 01 giấy chứng nhận kinh doanh số 20F8008380 do UBND huyện Lcấp ngày 05/12/2014.

- Trả lại cho chị Phan Thị Thanh H số tiền 67.700.000 đồng.

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Viện kiểm sát, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng như Điều tra viên và Kiểm sát viên thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L một lần nữa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra đã thu thập được; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019, Nguyễn Văn L đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với 07 người bao gồm: chị Lương Thùy L, anh Phạm Văn P, chị Nguyễn Thị T, anh Hoàng Văn C, anh Trương Văn M, anh Thân Văn T, anh Bùi Văn C với tổng số tiền cho vay là 268.000.000 đồng, mức lãi suất lần lượt là 120%/1 năm, 135%/ 1 năm, 180%/ 1 năm, 144%/ 1 năm, 144%/ 1 năm, 120%/ 1 năm, 108%/1 năm. Như vậy, mức lãi suất L cho những người vay vượt quá 5 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền gốc bị cáo L cho 07 người nêu trên vay lãi nặng là 268.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi thu được là 140.699.000 đồng (trong đó tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 26.532.500 đồng; tiền thu lợi bất chính (thu vượt quy định) 114.166.500 đồng).

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. “Tín dụng đen” đang hoành hành ở khắp mọi nơi, khiến nhiều gia đình tan gia bại sản, không có khả năng trả nợ, nhiều trường hợp

phải bỏ nhà đi xa xứ và luôn sống trong tình cảnh lo sợ vì bị siết nợ. Gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế- xã hội tại địa phương.

Hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra trong thời điểm có nhiều loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tín dụng đen đang có chiều hướng gia tăng, đã gián tiếp gây ra các loại tội phạm khác như giết người, cướp tài sản, cố ý gây thương tích, bắt giữ người trái pháp luật, gây rối trật tự công cộng... Việc xử lý hành vi phạm tội của bị cáo khi cả nước đang triển khai thực hiện Chỉ thị số 12 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tín dụng đen. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm mục đích trừng trị, cải tạo, giáo dục bị cáo và để đáp ứng yêu cầu phòng chống loại tội phạm liên quan đến tín dụng đen trong giai đoạn hiện nay.

[4]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Mặc dù bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng với nhiều người khác nhau nhưng chỉ có một lần trong tổng số các lần bị cáo cho người khác vay tiền có số tiền thu lời bất chính trên ba mươi triệu đồng, những lần còn lại số tiền thu lợi bất chính đều dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự (dưới 30 triệu) theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tổng số tiền thu lợi bất của tổng các lần thực hiện hành vi của bị cáo là trên 100 triệu đồng và các hành vi được thực hiện liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian nên bị cáo đã bị áp dụng tình tiết định khung hình phạt, do đó bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 2 lần trở lên” là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6]. Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo Nguyễn Văn L là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội.

[7]. Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định của Bộ luật hình sự đối với loại tội phạm này, ngoài hình phạt chính còn có hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu bị cáo cung cấp cho thấy: Bị cáo đang bị bệnh viêm gan virus B, bệnh đái tháo đường tuyp 2 và bệnh Xơ gan phải đi điều trị thường xuyên. Do vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cũng như các hình thức phạt bổ sung khác đối với bị cáo.

[8] Sau khi xem xét hành vi, tính chất, mức độ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa từng bị xét xử, bị cáo

được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bản thân bị cáo đang bị nhiều bệnh phải điều trị tại các cơ sở y tế. Xét thấy việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhằm đề cao chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa, cải tạo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Do vậy, chưa cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đủ để bị cáo lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội.

[9] Ngoài 07 người bị cáo cho vay lãi nặng bị xử lý trong vụ án này thì bị cáo còn cho nhiều người khác vay. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với những người vay và xác định việc bị cáo cho những người này vay tiền với lãi suất không vượt quá 5 lần lãi suất cáo nhất theo quy định của Bộ luật dân sự nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này là đúng.

[10]. Đối với những người vay tiền gồm: Anh Trần Trung K; anh Nguyễn Văn M; anh Trần Văn T; anh Nguyễn Đình P và chị Nguyễn Thị L, có tên trong sổ vay tiền do Công an thu giữ của bị cáo L. Qua xác minh tại địa phương thì những người trên không còn cư trú tại địa phương và một số người thì không xác định được thông tin, địa chỉ ở đâu nên Cơ quan điều tra chưa triệu tập làm việc được nên chưa có căn cứ để xử lý là phù hợp.

[11] Đối với sự việc ngày 22/12/2019 chị Lương Thùy L bị hai đối tượng không xác định được danh tính gây thương tích. Quá trình điều tra Nguyễn Văn L không thừa nhận có liên quan đến vụ việc trên. Ngày 01/10/2020, chị Nguyễn Thị L đã rút đơn trình báo và từ chối giám định thương tích nên không có căn cứ để xử lý.

[12]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp:

[12.1] Đối với tiền gốc của tổng số các lần bị cáo L cho những người vay là 268.000.000 đồng được xác định là công cụ, phương tiện phạm tội nhằm thu lợi bất chính (thu lãi nặng) và tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 26.532.500 đồng được xác định là tiền phát sinh từ tội phạm nên buộc bị cáo phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[12.2] Đối với khoản thu lợi bất chính 114.166.500 đồng là số tiền lãi bị cáo thu của những người vay vượt mức lãi suất cao nhất cho phép 20%/ năm. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thì phần lãi suất vượt quá 20%/năm là giao dịch dân sự không có hiệu lực pháp luật nên theo quy định của pháp luật những người vay được nhận lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vượt quá 20%/năm. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì và tại phiên tòa hôm nay những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều

vắng mặt nên cần tách ra và dành quyền khởi kiện để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[13] Đối với số tiền gốc một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay) đến nay chưa trả hết cho bị cáo L. Do bị cáo và những người vay không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Bị cáo L có quyền yêu cầu những người vay trả lại cho mình số tiền gốc họ còn nợ. Nếu phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[14]. Về xử lý vật chứng và tài sản bị tạm giữ:

Đối với 01 tờ hóa đơn có chữ và số liệt kê các khoản lãi do L viết; 01 quyển sổ gồm 15 tờ A4, có bìa màu hồng, các tờ còn lại là giấy vay tiền (trên bìa có chữ M1); 01 quyển sổ gồm 10 tờ A4 nội dung là các giấy vay tiền (trên bìa có chữ M2). 01 quyển sổ gồm 52 tờ A4, có bìa màu hồng, các tờ còn lại là giấy vay tiền (trên bìa có chữ M3). 01 quyển sổ gồm 12 tờ A4, có bìa màu hồng, các tờ còn lại là giấy vay tiền (trên bìa có chữ M4). 01 quyển sổ gồm 5 tờ A4, có bìa màu hồng, các tờ còn lại là giấy vay tiền (trên bìa có chữ M5); 01 quyển sổ gồm 100 tờ A4, có bìa màu xanh, các tờ còn lại là giấy vay tiền (trên bìa có chữ M6); 01 quyển sổ ghi chép, có bìa cứng, tờ còn lại có dòng kẻ, gồm 34 trang (trên bìa có chữ M7); 01 quyển sổ ghi chép, có bìa cứng, tờ còn lại có dòng kẻ, gồm 38 trang (trên bìa có chữ M8); 01 sổ hợp đồng cầm đồ bìa màu xanh gồm 32 tờ; 01 giấy nhận tiền đề ngày 27/6/2019, 01 giấy nhận tiền đề ngày 15/6/2019; 01 giấy nhận tiền đề ngày 16/6/2019 - tại mục người nhận đều có chữ ký của Nguyễn Thị H; 01 giấy báo của ngân hàng Nông nghiệp, mặt sau có chữ ký và chữ viết của chị Nguyễn Thị H là vật chứng của vụ án và cũng là tài liệu, chứng cứ để làm rõ hành vi tội phạm của bị cáo đang được lưu giữ theo hồ sơ vụ án. Do vậy, cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 giấy chứng nhận kinh doanh số 20A8009512 do UBND TP Bắc Giang cấp ngày 17/4/2012; 01 giấy chứng nhận kinh doanh số 20F8008380 do UBND huyện Lạng Giang cấp ngày 05/12/2014 – ngành nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 67.700.000 đồng Công an thu giữ khi khám xét nhà của bị cáo. Quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị Thanh H (vợ bị cáo L) xác định số tiền này là tài sản riêng của chị Hoàn không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo L, bản thân bị cáo L cũng thừa nhận không có số tiền này. Do vậy, cần trả lại chị H số tiền trên.

[15] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn L 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Về các biện pháp tư pháp và tài sản bị tạm giữ: Áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp lại tổng số tiền 294.532.500 đồng (trong đó: Số tiền gốc cho vay là 268.000.000 đồng và tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 26.532.500đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại bị cáo 01 giấy chứng nhận kinh doanh số 20A8009512 do UBND TP Bắc Giang cấp ngày 17/4/2012; 01 giấy chứng nhận kinh doanh số 20F8008380 do UBND huyện Lạng Giang cấp ngày 05/12/2014.

- Trả lại cho chị Phan Thị Thanh H số tiền 67.700.000 đồng.

(Toàn bộ đặc điểm vật chứng theo quyết định chuyển vật chứng số 165/QĐ-VKS ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang và biên bản giao nhận tài sản tạm giữ ngày 15/12/2020 giữa Công an thành phố Bắc Giang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an thành phố Bắc Giang;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Dương Văn Hải

